

Số: 90 /BC-UBND

Quảng Ngạn, ngày 15 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử Quý II năm 2024

Thực hiện Công văn số 1831/UBND ngày 10 tháng 6 năm 2024 của Ủy ban nhân dân huyện Quảng Điền về việc báo cáo công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử quý II năm 2024, Ủy ban nhân dân xã Quảng Ngạn báo cáo tình hình, kết quả thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử Quý II năm 2024 cụ thể như sau:

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ KIỂM SOÁT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (TTHC)

1. Đánh giá tác động TTHC quy định tại dự thảo văn bản quy phạm pháp luật (QPPL).

- Đã chỉ đạo và triển khai nội dung Nghị định 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; bố trí cán bộ, công chức làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn xã có phẩm chất đạo đức tốt, văn hóa giao tiếp chuẩn mực, đủ trình độ về chuyên môn nghiệp vụ và năng lực phù hợp.

- Ủy ban nhân dân xã đã ban Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 10/01/2024 về rà soát, đánh giá quy định, thủ tục hành chính năm 2024; Trong đó, tập trung rà soát các thủ tục hành chính trọng tâm trong các lĩnh vực quản lý nhà nước như địa chính- xây dựng, tư pháp- hộ tịch, lao động thương binh và xã hội.

- Ủy ban nhân dân xã đã triển khai chỉ đạo Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả thực hiện công bố, cập nhật bổ sung thủ tục hành chính, tổ chức niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan danh mục Thủ tục hành chính (TTHC), mẫu hóa thủ tục và quy trình, thời gian giải quyết các TTHC thuộc thẩm quyền của UBND xã đảm bảo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân khi đến giao dịch.

Theo quy định tại Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2019 của UBND tỉnh về việc ban hành danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND các xã, phường, thị trấn. UBND xã đã chỉ đạo và Công chức làm đầu mối kiểm soát TTHC của xã đã tiến hành rà soát, cập nhật các thủ tục hành chính và đôn đốc, nhắc nhở các ngành các lĩnh vực liên quan kiểm tra, cập nhật, niêm yết công khai và áp dụng vào việc tiếp nhận và giải quyết TTHC cho nhân dân. Cụ thể: TTHC tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả theo cơ chế một cửa tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại của xã là 130 thủ tục;

2. Công tác, công bố TTHC, danh mục thủ tục hành chính

-UBND xã đã chỉ đạo các bộ phận tiến hành rà soát, đánh giá bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, đồng thời tiến hành rà soát lại các quy trình giải quyết TTHC khi có Quyết định của UBND tỉnh ban hành lại danh mục thủ tục hành chính gồm 7 quy trình hệ thống và 218 quy trình tác nghiệp của 31 lĩnh vực TTHC theo Tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001: 2015.

- UBND xã đã Niêm yết công khai TTHC bao gồm 31 lĩnh vực, 130 thủ tục hành chính theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; Nội quy làm việc của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; chính sách chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Nơi niêm yết rõ ràng, dễ nhìn thấy để công dân trực tiếp theo dõi. Thời gian giải quyết luôn kịp thời và trước thời gian quy định, mức độ hài lòng của người dân và khách hàng hết sức cao.

3. Rà soát, đơn giản hóa TTHC

Để nâng cao hiệu quả công tác rà soát, đánh giá TTHC, nhằm kịp thời phát hiện và kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ TTHC, quy định có liên quan không cần thiết, không phù hợp, đồng thời nhằm giảm bớt thời gian, chi phí của tổ chức và công dân trong việc tuân thủ TTHC, UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 11 /KH-UBND ngày 08/01/2024 về rà soát, đánh giá quy định, thủ tục hành chính năm 2024

4. Về tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Trong Quý II năm 2024, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả xã đã tiếp nhận 239 hồ sơ TTHC(Phụ lục 6a) và 233 hồ sơ trực tuyến mức độ 3 .

Các bộ phận cơ bản đã thực hiện tốt việc tiếp nhận, giải quyết TTHC theo đúng quy định, áp dụng quy trình theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong tiếp nhận, giải quyết TTHC nên kết quả giải quyết đều đúng và trước hạn.

5. Tiếp nhận và xử lý phản ánh, kiến nghị về thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân xã đã công khai các nội dung liên quan đến về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, trên trang Thông tin điện tử của xã và bố trí cán bộ tiếp nhận để kịp thời tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, khiếu nại của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính theo quy định. Tuy nhiên, trong Quý I năm 2024, Ủy ban nhân dân xã không nhận được phản ánh, kiến nghị nào liên quan đến quy định hành chính.

6. Về tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Hầu hết các bộ phận cơ bản đã thực hiện tốt việc tiếp nhận, giải quyết TTHC theo đúng quy định, áp dụng quy trình theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015 trong tiếp nhận, giải quyết TTHC.

. Các bộ phận, lĩnh vực đều ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng các quy trình ISO, áp dụng cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong tiếp nhận, giải quyết TTHC.

7. Triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC

Được sự quan tâm của UBND tỉnh, các Sở, ngành cấp trên và sự tập trung chỉ đạo triển khai quyết liệt của UBND huyện đưa Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã đi vào hoạt động theo Quyết định số 2651/QĐ-UBND ngày 09 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đề án xây dựng bộ phận và tiếp

nhận trả kết quả hiện đại đảm bảo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC. Thực hiện công văn của UBND huyện, UBND xã đã rà soát thực trạng trang thiết bị điện tử tin học tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã đề xuất UBND huyện thông qua Phòng Nội vụ để trang cấp đảm bảo theo Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

Thực hiện Quyết định 34/2019/QĐ-UBND ngày 13/6/2019 của UBND tỉnh về Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại UBND các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế. UBND xã kiện toàn bộ phận và tiếp nhận trả kết quả hiện đại, nhìn chung số lượng cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã cơ bản đảm bảo, chất lượng từng bước được nâng lên, lề lối làm việc, tinh thần, thái độ phục vụ nhân dân, tổ chức đến giao dịch hành chính của đội ngũ cán bộ, công chức ngày càng chuyên nghiệp. Tuy nhiên, trong thời gian qua, một số cán bộ, công chức trong cơ quan thiếu tinh thần trách nhiệm trong thực thi công vụ, việc chấp hành giờ giấc hành chính vẫn chưa đảm bảo quy định. UBND xã đã ban hành quy chế hoạt động của bộ phận tiếp nhận và hoàn trả kết quả để triển khai thực hiện, quyết định cán bộ, công chức làm việc tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hiện đại xã do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng Bộ phận, Công chức Văn phòng – Thống kê xã làm Phó Bộ phận và các thành viên.

Việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tiếp tục có những thay đổi tích cực, đa phần TTHC được giải quyết đảm bảo đúng quy trình, quy định của pháp luật, số lượng hồ sơ được giải quyết đúng hạn khá cao nhưng số lượng hồ sơ tồn đọng, trễ hẹn vẫn còn, việc lập các loại phiếu, sổ theo dõi tiếp nhận và trả kết quả chưa thường xuyên, việc đồng bộ TTHC và thiết lập quy trình chưa đảm bảo quy định; Việc xin lỗi người dân đối với việc chậm trễ trong giải quyết TTHC chưa thực hiện đúng quy định.

8. Thực hiện TTHC trên môi trường điện tử

Thông qua việc kiểm tra, rà soát đã kịp thời nắm bắt những khó khăn, vướng mắc, nhằm đề ra những giải pháp tháo gỡ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương trong hoạt động kiểm soát TTHC tại các bộ phận; đôn đốc, hướng dẫn các bộ phận khắc phục những tồn tại, bất cập trong quá trình triển khai hoạt động kiểm soát TTHC. Bên cạnh đó, hoạt động kiểm tra còn giúp cho việc tổng hợp những sáng kiến, cải tiến, đổi mới trong hoạt động cải cách TTHC nhằm phổ biến, áp dụng rộng rãi, có hiệu quả đối với từng bộ phận, lĩnh vực.

Việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính và tình hình, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã. Trong Quý II từ thời gian từ 15/3/2024 đến 14/6/2024, Ủy ban nhân dân xã đã tiếp nhận 239 hồ sơ yêu cầu giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông gồm: Số hồ sơ đã giải

quyết là 237 hồ sơ, trong đó hồ sơ giải quyết trước hạn 214 hồ sơ, đúng hạn 23 hồ sơ, hồ sơ đang giả quyết 2 và 100% hồ sơ đều trực tuyến

9. Công tác tuyên truyền hỗ trợ kiểm soát thủ tục hành chính

Ủy ban nhân dân xã tiếp tục cập nhật kịp thời, đồng thời triển khai niêm yết tại bảng niêm yết danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã và bảng thông báo tại Bộ phận TN&TKQ danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết; các văn bản của Trung ương, tỉnh, huyện và của xã về công tác cải cách hành chính; đồng thời thường xuyên tăng cường công tác tuyên truyền trên Trang thông tin điện tử của xã; hệ thống đài truyền thanh xã nhằm nâng cao nhận thức về cải cách hành chính, kiểm soát thủ tục hành chính cho toàn thể cán bộ, công chức và người dân.

Trong Quý II năm 2024, Ủy ban nhân dân xã đã đăng tải 50 tin, bài về tuyên truyền công tác cải cách hành chính trên trang thông tin điện tử của xã tại địa chỉ (<https://quangngan.thuathienhue.gov.vn>).

10. Nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải cách TTHC

10.1 Về cải cách thể chế

Nâng cao chất lượng xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ và mang tính khả thi cao. Tiếp tục rà soát các văn bản quy phạm pháp luật do HĐND, UBND đã ban hành, kịp thời loại bỏ, điều chỉnh những quy định không còn phù hợp hoặc chồng chéo, trùng lặp, không đúng thẩm quyền, không còn phù hợp với tình hình thực tế.

Khắc phục những thiếu sót về thể thức văn bản, phát huy dân chủ, trọng tâm là bảo đảm và phát huy quyền làm chủ của nhân dân, lắng ý kiến của nhân dân trước khi quyết định các chủ trương, chính sách quan trọng và về quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước tại địa phương để nâng cao chất lượng văn bản quy phạm pháp luật.

Tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trên địa bàn toàn xã.

10.2 Về cải cách thủ tục hành chính

Đẩy mạnh cải cách TTHC theo hướng nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông; tập trung rà soát và đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi các TTHC không phù hợp và đơn giản hóa thành phần hồ sơ, quy trình giải quyết, công khai, minh bạch trong quá trình thực hiện.

Tăng cường đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc hiện đại. Áp dụng công nghệ thông tin, ISO 9001:2015 trong xử lý, giải quyết công việc, đảm bảo công việc được giải quyết thông suốt, đáp ứng kịp thời yêu cầu của công dân, tổ chức.

Thực hiện tốt việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả cấp xã nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, tăng cường sự giám sát của người dân và các tổ chức đối với việc giải quyết TTHC của các cơ quan hành chính nhà nước. Đồng thời, tăng cường đối thoại giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp và nhân dân; công khai chuẩn mực, các quy định hành chính để nhân dân, các tổ chức giám sát việc thực hiện.

10.3 Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Tiếp tục rà soát, làm rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan hành chính, xây dựng tổ chức bộ máy, biên chế, cơ cấu cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị hợp lý, khoa học, bảo đảm tinh gọn, hoạt động có hiệu quả. Tăng cường củng cố bộ máy, nhất là ở cơ sở, thực hiện tốt công tác luân chuyển, điều động cán bộ, công chức; kiên quyết sắp xếp, bố trí lại những cán bộ, công chức không đủ năng lực, trình độ và không hoàn thành nhiệm vụ.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, Chương trình công tác của HĐND và UBND xã. Rà soát, ban hành các quy chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết từng công việc, từng lĩnh vực, nhiệm vụ cụ thể.

10.4 Kiểm tra thực hiện kiểm soát TTHC

UBND xã đã ban hành kịp thời các Kế hoạch, văn bản chỉ đạo triển khai thực hiện các hoạt động kiểm soát TTHC theo chỉ đạo của UBND huyện; thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC trên địa bàn xã, nâng cao ý thức trách nhiệm của các ban, ngành, đơn vị trong hoạt động kiểm soát TTHC ở cơ quan, đơn vị; quan tâm củng cố kiện toàn công chức đầu mối làm công tác kiểm soát TTHC. Từ đó, hoạt động kiểm soát TTHC của xã trong những năm qua đạt nhiều kết quả tích cực; các ngành thực hiện nghiêm túc đưa hoạt động kiểm soát TTHC của xã đi vào nề nếp. Công tác cập nhật công bố, công khai thủ tục hành chính được quan tâm thực hiện; Cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tiếp tục phát huy hiệu quả, tạo sự chuyển biến tích cực trong giải quyết thủ tục hành chính cho người dân, doanh nghiệp theo hướng công khai, minh bạch, thuận tiện, đúng hẹn tạo niềm tin đối với tổ chức và cá nhân khi thực hiện thủ tục hành chính tại địa phương.

11. Nội dung khác

Đã ban Kế hoạch số 11 /KH-UBND ngày 08/01/2024 về rà soát, đánh giá quy định, thủ tục hành chính năm 2024. Đồng thời tiếp tục thực hiện chủ trương đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính của UBND tỉnh và UBND huyện Quảng Điền theo mô hình một cửa hiện đại. UBND xã Quảng Ngạn đã tăng cường các hoạt động kiểm soát TTHC, gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, Công chức làm đầu mối kiểm soát TTHC và Công chức làm việc tại bộ phận một cửa xã. Đồng thời đề ra một số hoạt động trọng tâm nhằm tạo động lực chuyển biến mới trong cải cách TTHC trên địa bàn xã như: kiểm soát quá trình giải quyết TTHC gắn với tăng cường minh bạch và trách nhiệm giải trình trong quá trình tiếp nhận và giải quyết TTHC, rà soát kiện toàn các Bộ phận một cửa, một cửa liên thông và việc áp dụng quy trình ISO 9001: 2015 trong giải quyết TTHC.

UBND xã Quảng Ngạn đã chỉ đạo các bộ phận thường xuyên cập nhật niêm yết kịp thời các TTHC được sửa đổi, bổ sung trên tất cả các lĩnh vực Tư pháp- hộ tịch; Văn phòng thống kê; Lao động thương binh xã hội; khiếu nại tố cáo; Địa chính- xây dựng; văn hóa xã hội... thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã được UBND tỉnh công bố chuẩn hóa, bãi bỏ các TTHC đã hết hiệu lực giải quyết.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Nhìn chung kết quả công tác kiểm soát TTHC trong thời gian qua đã đạt được những kết quả nổi bật. Công tác chỉ đạo, điều hành kiểm soát TTHC tiếp

tục được triển khai thực hiện có hiệu quả. Công tác rà soát văn bản được lãnh đạo cơ quan quan tâm chỉ đạo, đặc biệt là việc kiểm soát thủ tục hành chính theo Nghị định 63/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

Đã tổ chức niêm yết công khai đầy đủ các danh mục TTHC giải quyết thuộc thẩm quyền của đơn vị được UBND tỉnh phê duyệt tại trụ sở UBND xã, đảm bảo kịp thời, tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân đến giải quyết hồ sơ.

UBND xã đã tổ chức duy trì áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001-2015 tại Ủy ban nhân dân xã để đội ngũ cán bộ, công chức làm việc có hiệu quả hơn. Thái độ phục vụ tận tình, ý thức trách nhiệm trong thực thi công vụ của cán bộ, công chức đã tạo điều kiện thuận lợi, thông thoáng cho các cá nhân, tổ chức đến liên hệ làm việc, đem đến sự hài lòng cho người dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục xác định kiểm soát thủ tục hành chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của hoạt động cải cách hành chính, đồng thời tiếp tục thực hiện tốt Kế hoạch của UBND huyện về kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024; Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính năm 2024 và Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2024;

2. Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 03/01/2024 của UBND xã về công tác cải cách hành chính gắn với chính quyền số, chính quyền điện tử năm 2024, đáp ứng tốt nhu cầu tham gia giao dịch thủ tục hành chính của cá nhân, tổ chức tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả UBND xã.

3. Phát huy năng lực, nâng cao ý thức trách nhiệm và vai trò của cán bộ, công chức làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND xã về công tác kiểm soát thủ tục hành chính. Tiếp tục đầu tư trang thiết bị, phương tiện làm việc hiện đại. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động điều hành, quản lý và giải quyết công việc, đảm bảo giải quyết công việc thông suốt, kịp thời.

4. Nâng cao chất lượng thực hiện cơ chế “Một cửa, một cửa liên thông” trong tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết TTHC, tiến tới thực hiện đồng bộ hệ thống tin học hóa trong việc giải quyết công việc của công dân và tổ chức, nâng cao chỉ số cải cách hành chính. Tăng cường trao đổi, xin ý kiến của các cơ quan liên quan, phối hợp giải quyết những tồn tại trong liên thông TTHC. Góp phần nâng cao hơn nữa chất lượng giải quyết TTHC nói chung và TTHC liên thông nói riêng.

5. Thực hiện đúng quy trình giải quyết thủ tục hành chính được quy định tại Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính

Thực hiện tốt Quyết định số 34/2019/QĐ-UBND ngày 13 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế về ban hành Quy định tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế.

Trên đây là báo cáo của Ủy ban nhân dân xã về công tác kiểm soát thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử Quý II năm 2024.

Nơi nhận:

- UBND huyện;
- TT Đảng ủy, TT HĐND
- Chủ tịch, các PCT UBND;
- Trưởng các ban, ngành, đoàn thể;
- Lưu: VP.UBND xã.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Tuất

24	Trồng trọt	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
25	Quy hoạch xây dựng	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
26	Dân quân tự vệ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
27	Nghĩa vụ quân sự	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Thủy lợi	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
29	Chính sách	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
30	Bảo hiểm xã hội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
31	Động viên quân đội	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
32	Kinh tế tập thể HTX	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
33	Môi trường	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
34	Việc làm	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng		251	251	0	0	249	226	23	0	2	2	0

Biểu số
II.08/VPCP/KSTT

**TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI THỦ TỤC HÀNH
CHÍNH TRÊN MÔI TRƯỜNG ĐIỆN TỬ CỦA BỘ,
CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG**

Kỳ báo cáo: Quý II Năm 2024
(Từ ngày 15/3/2024 đến hết ngày 14/6/2024)

- Đơn vị báo cáo: UBND xã Quảng Ngạn
- Đơn vị nhận báo cáo: UBND huyện Quảng Điền

Đơn vị tính: Hồ sơ TTHC.

STT	Lĩnh vực	DVCTT mức độ 3			DVCTT mức độ 4			Tích hợp với Công Dịch vụ công quốc gia (có=1; không=0)
		Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	Được giao	Đã triển khai	Số lượng hồ sơ phát sinh	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(8)
A	DVCTT DO THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ GIAO							
I	Lĩnh vực Hộ tịch (19 TTHC)							
1.	Đăng ký khai sinh		x	1	X	X	0	1
2.	Đăng ký kết hôn				X	X	6	1
3.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	X	X	0				1
4.	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	X	X	0				1
5.	Đăng ký khai tử			25	X	X	0	1
6.	Đăng ký khai sinh lưu động				X	X	0	1
7.	Đăng ký kết hôn lưu động				X	X	0	1
8.	Đăng ký khai tử lưu động				X	X	0	1

9.	Đăng ký giám hộ	X	X	0				1
10.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	X	X	0				1
11.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	X	X	0				1
12.	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	X	X	41				1
13.	Đăng ký lại khai sinh	X	X	6				1
14.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	X	X	0				1
15.	Đăng ký lại kết hôn	X	X	1				1
16.	Đăng ký lại khai tử	X	X	0				1
17.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	X	X	67				1
18.	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi				X	X	21	1
19.	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi				X	X	0	1
20.	Thủ tục liên thông về đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, hưởng chế độ tử tuất (trợ cấp tuất và trợ cấp mai táng)/hỗ trợ chi phí mai táng/hưởng mai táng phí	x	x	2				
II	Lĩnh vực Chứng thực (11 TTHC)							

20.	Cấp bản sao từ sổ gốc	X	X	0				1
21.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	X	X	31				1
22.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	X	X	4				1
23.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	X	X	23				1
24.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	X	X	1				1
25.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	X	X	0				1
26.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	X	X	0				1
27.	Chứng thực di chúc	X	X	0				1
28.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	X	X	3				1
29.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất,	X	X	0				1

	nhà ở							
30.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	X	X	0				1
III	Lĩnh vực Hòa giải cơ sở (04 TTHC)							
31.	Công nhận hòa giải viên				X	X	0	1
32.	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải				X	X	0	1
33.	Thôi làm hòa giải viên				X	X	0	1
34.	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên				X	X	0	1
IV	Lĩnh vực Tôn giáo (10 TTHC)							
35.	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng				X	X	0	1
36.	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng				X	X	0	1
37.	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung				X	X	0	1
38.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã				X	X	0	1
39.	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung				X	X	0	1
40.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa				X	X	0	1

	bàn xã khác							
41.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung				X	X	0	1
42.	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc				X	X	0	1
43.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã				X	X	0	1
44.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã				X	X	0	1
V	Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng (04 TTHC)							
45.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị				X	X	0	1
46.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề				X	X	0	1
47.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất				X	X	0	1

48.	Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến				X	X	0	1
VI	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo (05 TTHC)							
49.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học				X	X	0	1
50.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập				X	X	0	1
51.	cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại				X	X	0	1
52.	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập				X	X	0	1
53.	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)				X	X	0	1
VII	Lĩnh vực Người có công (04 TTHC)							
54.	Đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”				X	X	0	1
55.	Đề nghị tặng hoặc truy tặng				X	X	0	1

	Huân chương độc lập							
56.	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ				X	X	0	1
57.	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi				X	X	0	1
VIII	Lĩnh vực Đất đai (02 TTHC)					X	0	
58.	Hoà giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã				X	X	0	1
59.	Cung cấp dữ liệu đất đai				X	X	0	1
IX	Lĩnh vực Môi trường (04 TTHC)							
60.	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	X	X	0				1
61.	Tham vấn ý kiến báo cáo đánh giá tác động môi trường	X	X	0				1
62.	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	X	X	0				1
63.	Tham vấn ý kiến đề án bảo vệ môi trường chi tiết	X	X	0				1
X	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (08 TTHC)							

64.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm				X	X	0	1
65.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm				X	X	0	1
66.	Thủ tục “Đăng ký hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn”				X	X	0	1
67.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật				X	X	0	1
68.	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật				X	X	0	1
69.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở				X	X	0	1
70.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng				X	X	6	1
71.	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế				X	X	0	1

XI	Lĩnh vực Khiếu nại, tố cáo (04 TTHC)							
72.	Tiếp công dân				X	X	0	1
73.	Xử lý đơn thư				X	X	0	1
74.	Giải quyết khiếu nại lần đầu				X	X	0	1
75.	Giải quyết tố cáo				X	X	0	1
XII	Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng (05 TTHC)							
76.	Kê khai tài sản, thu nhập				X	X	0	1
77.	Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập				X	X	0	1
78.	Xác minh tài sản, thu nhập				X	X	0	1
79.	Tiếp nhận yêu cầu giải trình				X	X	0	1
80.	Thực hiện việc giải trình				X	X	0	1
XIII	Lĩnh vực Bảo vệ và chăm sóc trẻ em (05 TTHC)							
81.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em				X	X	0	1
82.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em				X	X	0	1

83.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt				X	X	0	1
84.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em				X	X	0	1
85.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế				X	X	0	1
XIV	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (03 TTHC)							
86.	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình				X	X	0	1
87.	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng				X	X	0	1
88.	Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng				X	X	0	1
XV	Lĩnh vực Dân tộc (02 TTHC)							
89.	Công nhận người có uy tín				X	X	0	1

	trong đồng bào dân tộc thiểu số							
90.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số				X	X	0	1
XVI	Lĩnh vực Y tế (01 TTHC)							
91.	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số				X	X	0	1
XVII	Lĩnh vực Phòng, chống thiên tai (03 TTHC)							
92.	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu				X	X	0	1
93.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh				X	X	0	1
94.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai				X	X	0	1
XVIII	Lĩnh vực Kinh tế tập thể - Hợp tác xã (07 TTHC)							
95.	Xác nhận Đơn đề nghị hỗ trợ Tổ hợp tác	X	X	0				1
96.	Chấm dứt tổ hợp tác	X	X	0				1
97.	Thay đổi tổ trưởng tổ hợp tác	X	X	0				1

98.	Thành lập tổ hợp tác	X	X	0				1
99.	Thông báo thành lập tổ hợp tác	X	X	0				1
100.	Thông báo thay đổi tổ hợp tác				X	X	0	1
101.	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác				X	X	0	1
	TỔNG CỘNG			0			0	
B	DVCTT DO BỘ, CƠ QUAN, UBND TỈNH CHỦ ĐỘNG TRIỂN KHAI							
I	Lĩnh vực Hộ tịch (19 TTHC)							1
1.	Đăng ký khai sinh				X	X	0	1
2.	Đăng ký kết hôn				X	X	0	1
3.	Đăng ký nhận cha, mẹ, con	X	X	0				1
4.	Đăng ký khai sinh kết hợp nhận cha, mẹ, con	X	X	0				1
5.	Đăng ký khai tử				X	X	0	1
6.	Đăng ký khai sinh lưu động				X	X	0	1
7.	Đăng ký kết hôn lưu động				X	X	0	1
8.	Đăng ký khai tử lưu động				X	X	0	1
9.	Đăng ký giám hộ	X	X	0				1

10.	Đăng ký chấm dứt giám hộ	X	X	0				1
11.	Thay đổi, cải chính, bổ sung hộ tịch	X	X	0				1
12.	Cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	X	X	6				1
13.	Đăng ký lại khai sinh	X	X	0				1
14.	Đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	X	X	0				1
15.	Đăng ký lại kết hôn	X	X	0				1
16.	Đăng ký lại khai tử	X	X	0				1
17.	Cấp bản sao trích lục hộ tịch	X	X	0				1
18.	Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi				X	X	0	1
19.	Liên thông các thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, cấp Thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi				X	X	0	1
II	Lĩnh vực Chứng thực (11 TTHC)							1

20.	Cấp bản sao từ sổ gốc	X	X	0				1
21.	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam cấp hoặc chứng nhận	X	X	0				1
22.	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	X	X	0				1
23.	Chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất và nhà ở	X	X	0				1
24.	Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	X	X	0				1
25.	Sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	X	X	0				1
26.	Cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	X	X	0				1

27.	Chứng thực di chúc	X	X	0				1
28.	Chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	X	X	0				1
29.	Chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở.	X	X	0				1
30.	Chứng thực văn bản khai nhận di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	X	X	0				1
III	Lĩnh vực Hòa giải cơ sở (04 TTHC)							1
31.	Công nhận hòa giải viên				X	X	0	1
32.	Công nhận tổ trưởng tổ hòa giải				X	X	0	1
33.	Thôi làm hòa giải viên				X	X	0	1
34.	Thanh toán thù lao cho hòa giải viên				X	X	0	1
IV	Lĩnh vực Tôn giáo (10 TTHC)							1
35.	Đăng ký hoạt động tín ngưỡng				X	X	0	1

36.	Đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng				X	X	0	1
37.	Đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung				X	X	0	1
38.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở một xã				X	X	0	1
39.	Đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung				X	X	0	1
40.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác				X	X	0	1
41.	Thông báo về việc thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung				X	X	0	1
42.	Thông báo tổ chức quyên góp trong địa bàn một xã của cơ sở tín ngưỡng, tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc				X	X	0	1
43.	Thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở				X	X	0	1

	một xã							
44.	Đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã				X	X	0	1
V	Lĩnh vực Thi đua - Khen thưởng (04 TTHC)							1
45.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thực hiện nhiệm vụ chính trị				X	X	0	1
46.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích thi đua theo đợt hoặc theo chuyên đề				X	X	0	1
47.	Tặng Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã về thành tích đợt xuất				X	X	0	1
48.	Xét tặng danh hiệu Lao động tiên tiến				X	X	0	1
VI	Lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo (05 TTHC)							1
49.	Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học				X	X	0	1

50.	Thành lập nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập				X	X	0	1
51.	cho phép nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập hoạt động giáo dục trở lại				X	X	0	1
52.	Sáp nhập, chia, tách nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập				X	X	0	1
53.	Giải thể nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập)				X	X	0	1
VII	Lĩnh vực Người có công (04 TTHC)							1
54.	Đề nghị tặng hoặc truy tặng danh hiệu vinh dự Nhà nước “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”				X	X	0	1
55.	Đề nghị tặng hoặc truy tặng Huân chương độc lập				X	X	0	1
56.	Xác nhận vào đơn đề nghị di chuyển hài cốt liệt sĩ; đơn đề nghị thăm viếng mộ liệt sĩ				X	X	0	1
57.	Ủy quyền hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi				X	X	0	1

VIII	Lĩnh vực Đất đai (02 TTHC)						X	0	1
58.	Hoà giải tranh chấp đất đai tại UBND cấp xã					X	X	0	1
59.	Cung cấp dữ liệu đất đai					X	X	0	1
IX	Lĩnh vực Môi trường (04 TTHC)								1
60.	Xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường	X	X	0					1
61.	Tham vấn ý kiến báo cáo đánh giá tác động môi trường	X	X	0					1
62.	Xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản	X	X	0					1
63.	Tham vấn ý kiến đề án bảo vệ môi trường chi tiết	X	X	0					1
X	Lĩnh vực Bảo trợ xã hội (08 TTHC)								1
64.	Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm					X	X	0	1
65.	Công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trong năm					X	X	0	1
	Thủ tục “Đăng ký hoạt động đối								1

66.	với cơ sở trợ giúp xã hội dưới 10 đối tượng có hoàn cảnh khó khăn”				X	X	0	
67.	Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp giấy xác nhận khuyết tật			1	X	X	0	1
68.	Cấp đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật				X	X	0	1
69.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ làm nhà ở, sửa chữa nhà ở				X	X	0	1
70.	Trợ giúp xã hội đột xuất về hỗ trợ chi phí mai táng				X	X	0	1
71.	Xác nhận hộ gia đình làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2016-2020 thuộc diện đối tượng được ngân sách nhà nước hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế				X	X	0	1
XI	Lĩnh vực Khiếu nại, tố cáo (04 TTHC)							1
72.	Tiếp công dân				X	X	0	1
73.	Xử lý đơn thư				X	X	0	1

74.	Giải quyết khiếu nại lần đầu				X	X	0	1
75.	Giải quyết tố cáo				X	X	0	1
XII	Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng (05 TTHC)							1
76.	Kê khai tài sản, thu nhập				X	X	0	1
77.	Công khai Bản kê khai tài sản, thu nhập				X	X	0	1
78.	Xác minh tài sản, thu nhập				X	X	0	1
79.	Tiếp nhận yêu cầu giải trình				X	X	0	1
80.	Thực hiện việc giải trình				X	X	0	1
XIII	Lĩnh vực Bảo vệ và chăm sóc trẻ em (05 TTHC)							1
81.	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em				X	X	0	1
82.	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em				X	X	0	1
83.	Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc				X	X	0	1

	lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt								
84.	Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em				X	X	0		1
85.	Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế				X	X	0		1
XIV	Lĩnh vực Phòng, chống tệ nạn xã hội (03 TTHC)								1
86.	Quyết định quản lý cai nghiện ma túy tự nguyện tại gia đình				X	X	0		1
87.	Quyết định cai nghiện ma túy tự nguyện tại cộng đồng				X	X	0		1
88.	Quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy bắt buộc tại cộng đồng				X	X	0		1
XV	Lĩnh vực Dân tộc (02 TTHC)								1
89.	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số				X	X	0		1

90.	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số				X	X	0	1
XVI	Lĩnh vực Y tế (01 TTHC)							1
91.	Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số				X	X	0	1
XVII	Lĩnh vực Phòng, chống thiên tai (03 TTHC)							1
92.	Đăng ký kê khai số lượng chăn nuôi tập trung và nuôi trồng thủy sản ban đầu				X	X	0	1
93.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do dịch bệnh				X	X	0	1
94.	Hỗ trợ khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai				X	X	0	1
XVII I	Lĩnh vực Kinh tế tập thể - Hợp tác xã (07 TTHC)							1
95.	Xác nhận Đơn đề nghị hỗ trợ Tổ hợp tác	X	X	0				1
96.	Chấm dứt tổ hợp tác	X	X	0				1

97.	Thay đổi tổ trưởng tổ hợp tác	X	X	0				1
98.	Thành lập tổ hợp tác	X	X	0				1
99.	Thông báo thành lập tổ hợp tác	X	X	0				1
100.	Thông báo thay đổi tổ hợp tác				X	X	0	1
101.	Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác				X	X	0	1
	TỔNG CỘNG						0	